

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/10/2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Phạm Kim S, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2020 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Ngọc T trình bày: Anh và chị Phạm Kim S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh B vào ngày 06/3/2017. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc khoảng 01 tháng thì chị S tự ý về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Trong khoảng thời gian này anh chị cùng gia đình hai bên có hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh nhận thấy hôn nhân của anh chị là không thể hàn gắn được nữa cũng như tình cảm vợ chồng của anh đối với chị S không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Kim S. Về con chung: Anh T trình bày giữa anh và chị S không có con chung; Về chia tài sản khi ly hôn: Anh T trình bày giữa anh và chị S không

có tài sản chung, nợ chung. Vì bận đi làm xa nên anh xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời sau.

Bị đơn chị Phạm Kim S vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn chị Phạm Kim S có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Ngọc T đối với chị Phạm Kim S, thấy rằng: Về hôn nhân: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Phía anh T cho rằng sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì chị S tự ý về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Phía chị S mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị S không đến cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của chị theo nội dung thông báo giao nộp chứng cứ số 205/TB-TA, ngày 20/5/2021 của Tòa án, những điều này chứng tỏ chị S không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Bên cạnh đó, trong khoảng thời gian chị S về nhà mẹ ruột sống anh chị cùng gia đình hai bên đã có bàn bạc hàn gắn tính cảm anh chị nhưng không thành. Hiện nay anh T lại cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với chị S nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ. Về con chung: Anh T trình bày giữa anh và chị S không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập; Về chia tài sản khi ly hôn: Anh T trình bày giữa anh và chị S không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Phạm Ngọc T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T.

Anh Phạm Ngọc T được ly hôn với chị Phạm Kim S.

[2] *Về con chung*: Anh Phạm Ngọc T trình bày không có nên không đề cập.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Anh Phạm Ngọc T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006169 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T, số 14, ngày 06/3/2017 (1b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhớ